

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 03/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 24/03/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28214351530	Nguyễn Văn	An	28/01/2004	Đà Nẵng	31CHT11	V	V	Không Đạt	
2	28205103688	Đinh Hồng	Anh	29/10/2004	Quảng Ngãi	32TBN1	7.7	7.0	Đạt	
3	28218006061	Nguyễn Văn	Châu	30/07/2004	Hội An	31SSC8	3.0	3.5	Không Đạt	
4	29208043034	Lê Nguyễn Linh	Chi	22/07/2005	Kon Tum	32CHT1	5.7	3.3	Không Đạt	
5	29218063700	Văn Bá	Doanh	25/05/2005	Quảng Nam	32CHT1	5.7	6.8	Đạt	
6	28213201486	Lê Hoài	Đức	30/10/2004	Bình Định	31CHT11	7.3	6.0	Đạt	
7	27202244884	Phạm Thị Mỹ	Duyên	07/10/2003	Quảng Nam	31CHT11	7.0	2.4	Không Đạt	
8	28213206039	Lâm Ty	Gon	28/03/2004	Bình Định	31CHT11	8.0	6.8	Đạt	
9	29124645133	Nguyễn	Hải	03/05/2005	Quảng Trị	32TBN1	8.0	6.0	Đạt	
10	29208248331	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	24/04/2005	Quảng Nam	31CHT11	9.0	5.5	Đạt	
11	28218002769	Trương Nguyễn Minh	Hậu	01/10/2004	Đà Nẵng	31CHT11	V	V	Không Đạt	
12	28202700200	Hồ Thị Thu	Hiền	06/08/2004	Quảng Trị	32TBN1	10.0	10.0	Đạt	
13	29204749731	Lý Thị	Hiền	27/05/2005	Đăk Lăk	32TBN1	10.0	9.5	Đạt	
14	28211100096	Đào Minh	Hiếu	01/04/2004	Quảng Nam	32TBN1	7.7	7.0	Đạt	
15	29206558281	Nguyễn Thị Minh	Hoa	05/09/2005	Quảng Nam	31TBN16	8.3	5.1	Đạt	
16	27217132618	Lữ Đình	Hòa	23/03/2003	Đà Nẵng	31CHT11	8.7	5.0	Đạt	
17	28204639966	Trần Thị Thu	Hồng	07/03/2004	Đà Nẵng	32TBN1	10.0	6.3	Đạt	
18	27212254158	Trần Tấn	Khang	09/05/2003	Đà Nẵng	32CHT1	8.7	8.0	Đạt	
19	27211333571	Nguyễn Văn	Khánh	05/02/2003	Quảng Trị	32TBN1	V	V	Không Đạt	
20	27212201227	Trần	Khánh	01/11/2003	Đà Nẵng	32CHT1	8.0	5.0	Đạt	
21	27215302090	Nguyễn Thanh	Liêm	08/11/2003	Huế	31CHT11	9.3	7.5	Đạt	
22	28202705715	Đoàn Hoàng Khánh	Linh	02/09/2004	Bình Định	32TBN1	8.3	5.8	Đạt	
23	29206649505	Lê Thị	Linh	22/11/2005	Đà Nẵng	32CHT1	6.7	6.3	Đạt	
24	29204659505	Nguyễn Phạm Cát	Linh	03/06/2005	Thừa Thiên H	32TBN1	8.7	8.0	Đạt	
25	28206243786	Nguyễn Phương	Linh	05/01/2004	Quảng Trị	31CHT11	5.3	3.8	Không Đạt	
26	28206945506	Nguyễn Thị	Linh	16/07/2004	Đăk Lăk	32TBN1	8.0	6.5	Đạt	
27	27202253203	Phan Thị Trúc	Linh	03/01/2003	Hồ Chí Minh	32CHT1	6.7	8.8	Đạt	
28	28206550996	Triệu Thị Thùy	Linh	08/09/2004	Đăk Lăk	31CHT10	5.7	3.8	Không Đạt	
29	29218031823	Nguyễn Hữu	Lượng	09/06/2005	Đà Nẵng	32CHT1	6.3	3.8	Không Đạt	
30	29214653943	Trương Cao	Minh	15/12/2005	Quảng Ngãi	32TBN1	9.0	6.5	Đạt	
31	28206900885	Lê Đỗ Trà	My	12/07/2001	Đà Nẵng	32TBN1	9.7	7.5	Đạt	
32	28212300699	Lê Hữu	Nam	27/07/2004	Hà Tĩnh	32CHT1	9.7	8.6	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28214623574	Phạm Lê Thành	Nam	28/10/2004	Đà Nẵng	31CHT11	4.0	2.5	Không Đạt	
34	28212300525	Trần Đình	Nghĩa	20/07/2004	Quảng Nam	31CHT11	8.3	2.3	Không Đạt	
35	29204539507	Trần Thị Bích	Ngọc	28/06/2005	Quy Nhơn	32CHT1	8.3	6.5	Đạt	
36	28204606744	Dương Vô Thảo	Nguyên	13/06/2004	Quảng Nam	32CHT1	9.3	5.1	Đạt	
37	28216647411	Phạm Nguyễn Hoàng	Nguyên	12/05/2004	Quảng Nam	31CHT11	8.7	5.1	Đạt	
38	28219339370	Lê Thành	Nhân	28/08/2004	Đà Nẵng	32TBN1	9.7	6.3	Đạt	
39	29204650432	Trần Thị Mỹ	Nhật	27/03/2005	Đắk Nông	32TBN1	8.7	6.5	Đạt	
40	28204352583	Ngô Phương	Nhi	11/12/2004	Quảng Nam	31CHT11	3.7	3.0	Không Đạt	
41	29200357929	Huỳnh Thị Tâm	Như	08/08/2005	Đà Nẵng	32CHT1	7.0	4.0	Không Đạt	
42	29204662480	Phạm Thị Quỳnh	Như	28/04/2005	Bình Định	32TBN1	8.0	8.3	Đạt	
43	29218258333	Trương Đình	Phú	14/06/2005	Thừa Thiên H	31CHT11	7.7	3.3	Không Đạt	
44	28212305995	Trần Văn	Phúc	03/09/2004	Quảng Ngãi	32CHT1	10.0	7.0	Đạt	
45	29208051518	Huỳnh Nguyễn Uyên	Phương	17/04/2005	Đà Nẵng	32CHT1	5.7	1.9	Không Đạt	
46	28206520813	Nguyễn Thị	Phượng	25/02/2004	Kon Tum	32TBN1	8.7	6.3	Đạt	
47	27211349122	Lê Quang	Quốc	08/12/2003	Quảng Ngãi	32TBN1	V	V	Không Đạt	
48	28206952191	Hồ Hoàng Tổ	Quyên	05/10/2004	Gia Lai	32TBN1	9.3	7.0	Đạt	
49	28205134716	Nguyễn Phương Khánh	Quỳnh	15/03/2004	Quảng Ngãi	31CHT11	8.3	2.8	Không Đạt	
50	28206920331	Nguyễn Võ Tuyết	Quỳnh	16/10/2004	Đà Nẵng	32TBN1	8.0	5.5	Đạt	
51	27204324881	Trịnh Thị Như	Quỳnh	26/05/2002	Quảng Bình	32CHT1	5.3	6.5	Đạt	
52	29204661481	Hồ Nguyễn Việt	Tâm	12/10/2005	Quảng Nam	32CHT1	7.7	6.5	Đạt	
53	28214652942	Hồ Văn	Thái	16/04/2004	Quảng Nam	31CYC5	6.3	5.5	Đạt	
54	28214200304	Lê Đạt	Thành	15/08/2003	Quảng Nam	31CHT11	V	V	Không Đạt	
55	28204602894	Bùi Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	Quảng Trị	32TBN1	8.3	5.5	Đạt	
56	28204600631	Đỗ Thị Thanh	Thảo	24/09/2004	Đà Nẵng	32CHT1	6.3	7.3	Đạt	
57	29204560585	Huỳnh Thị Thu	Thảo	07/04/2005	Chư Sê - Gia	32TBN1	7.3	6.9	Đạt	
58	28208035287	Lê Thị Minh	Thảo	14/05/2004	Đà Nẵng	31CHT10	7.7	7.5	Đạt	
59	28208253198	Lê Thị Thanh	Thảo	15/01/2004	Đà Nẵng	32TBN1	V	V	Không Đạt	
60	27205352340	Trần Thị Phương	Thảo	02/02/2003	Đắk Lắk	31CHT11	9.3	7.0	Đạt	
61	29208046741	Võ Trần Anh	Thư	27/03/2005	Quảng Nam	32CHT1	9.0	7.0	Đạt	
62	28204621448	Tô Thị Thanh	Thủy	01/08/2004	Đắk Lắk	32TBN1	9.0	7.0	Đạt	
63	28204650248	Phạm Nhà	Thy	26/11/2004	Quảng Ngãi	32TBN1	9.3	5.0	Đạt	
64	29204757072	Phạm Thị Hoài	Thy	14/07/2005	Quảng Nam	32TBN1	9.3	9.0	Đạt	
65	28204353233	Cao Thị	Trang	01/08/2004	Quảng Nam	32CHT1	9.7	6.8	Đạt	
66	28208003982	Phạm Thị Thủy	Trang	28/06/2004	Đắk Lắk	32TBN1	3.7	2.5	Không Đạt	
67	28213252682	Trần Minh	Trí	27/01/2004	Đà Nẵng	31CHT11	8.0	3.3	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28205100949	Huỳnh Thị Kiều	Trinh	02/09/2004	Quảng Nam	31CHT11	6.3	5.0	Đạt	
69	29204658643	Nguyễn Thị Đoan	Trinh	17/10/2005	Thừa Thiên H	32CHT1	7.7	9.5	Đạt	
70	29204654223	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	02/11/2005	Quảng Nam	32CHT1	9.0	5.8	Đạt	
71	27211329206	Lê Trường	Trúc	11/11/2003	Bình Định	32TBN1	5.7	7.3	Đạt	
72	28212331437	Phạm Công	Trung	25/02/2004	Đà Nẵng	31CHT11	4.3	1.8	Không Đạt	
73	29216552496	Đoàn Mạnh	Trường	31/08/2002	Đà Nẵng	32TBN1	V	V	Không Đạt	
74	29212362989	Mai Xuân	Tươi	05/12/2005	Đà Nẵng	31CYC10	7.7	5.3	Đạt	
75	28208152626	Nguyễn Thị	Tuyển	25/08/2004	Thanh Hoá	32TBN1	4.7	5.0	Không Đạt	
76	29204647661	Nguyễn Thu	Uyên	10/09/2005	Quảng Trị	32TBN1	9.7	10.0	Đạt	
77	28206205854	Nguyễn Thanh	Vân	05/03/2004	Hà Nội	31CHT11	6.0	2.1	Không Đạt	
78	29205024561	Lê Thị Tường	Vi	30/01/2005	Đắk Lắk	32TBN1	10.0	8.3	Đạt	
79	29204760390	Phạm Nguyễn Tường	Vy	02/04/2005	Quảng Ngãi	32CHT1	9.3	6.5	Đạt	
80	28204932015	Phùng Thị Nhật	Vy	01/11/2004	Đà Nẵng	31CHT11	5.7	5.1	Đạt	
81	28204401950	Võ Thị Như	Ý	21/07/2004	Quảng Ngãi	31CHT11	8.0	6.9	Đạt	
82	29208120733	Đặng Thị Minh	Yến	14/07/2005	Đà Nẵng	32CHT1	9.3	9.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh